

Số: 04 /2002/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG NỘI VỤ**

Về việc sửa đổi Điều 6 chương II Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-TCCP ngày 05/6/1999 của Bộ Trưởng - Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ".

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05/8/2002 của Quốc Hội Quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang bộ của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 181/NĐ - CP ngày 9 tháng 11 năm 1994 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Sửa đổi Điều 6 chương II Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-TCCP ngày 05/6/1999 của Bộ Trưởng - Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ" Quy định về việc trang bị, quản lý và sử dụng máy điện thoại công vụ tại nhà riêng, máy điện thoại di động và máy nhắn tin công vụ đối với một số chức danh cán bộ, công chức thuộc Bộ Nội vụ". Cụ thể như sau:

**Về mức khoán chi trang bị và sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc công vụ.**

**1. Đối với điện thoại cố định:**

1.1 Cơ quan trả tiền lắp đặt theo hợp đồng của cán bộ, công chức với Bưu Điện.

1.2 Khoán tiền máy 300.000 đồng/1 máy.

1.3 Khoán để các cá nhân thanh toán hàng tháng với Bưu điện phần thuê bao và phần phụ trội theo các mức dưới đây:

1.3.1 Bộ trưởng: 300.000 đồng/tháng.

1.3.2 Thứ trưởng: 200.000 đồng/tháng.

1.3.3 Vụ trưởng và các chức vụ tương đương: 100.000 đồng/tháng.

**2. Đối với máy điện thoại di động:**

2.1 Cơ quan trả tiền hoà mạng theo hợp đồng của Bưu Điện; hoặc khoán theo đơn giá tại thời điểm hoà mạng.

2.2 Khoán tiền máy 3.000.000 đồng/1 máy.

2.3 Khoán để các cá nhân thanh toán hàng tháng với Bưu điện phần thuê bao và phần phụ trội theo các mức dưới đây:

2.3.1 Bộ trưởng: 500.000 đồng/tháng.

2.3.2 Thứ trưởng: 400.000 đồng/tháng.

### **3. Đối với máy nhắn tin:**

Những trường hợp được Bộ Trưởng Quyết định (bằng văn bản) được trang bị máy nhắn tin thì do cơ quan thanh toán tiền thuê bao hàng tháng với Bưu điện.

Những trường hợp khác, căn cứ vào tính chất và yêu cầu công tác thực sự cần thiết, được Bộ trưởng quyết định (bằng văn bản) trang bị máy điện thoại cố định tại nhà riêng hoặc điện thoại di động và sau khi đã thoả thuận với Bộ Tài chính. Mức khoán được áp dụng như sau:

- Điện thoại cố định: Như áp dụng đối với Vụ trưởng.
- Điện thoại di động: Cá nhân tự trang bị máy, hoà mạng, hàng tháng cơ quan trả khoán để sử dụng nghe, gọi: 250.000 đồng/tháng.

### **4. Về thanh toán:**

Mức thanh toán quy định như trên được tính theo hàng tháng và được trả vào cùng kỳ lương hàng tháng. Cá nhân trực tiếp thanh toán với Bưu Điện theo Hợp đồng và thực tế sử dụng, những đối tượng trên chỉ được thanh toán tiền điện thoại, khi sử dụng điện thoại và đăng ký số thuê bao với Văn phòng Bộ để liên hệ công tác khi cần thiết.

**5. Những cán bộ, công chức** được trang bị, lắp đặt điện thoại cố định tại nhà riêng và máy điện thoại di động phải đăng ký số điện thoại với Văn phòng Bộ và có nhu cầu sử dụng thường xuyên để phục vụ công tác.

- Khi cán bộ, công chức không sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động, phải thông báo với Văn phòng Bộ để thôi trả tiền khoán điện thoại.

- Những cán bộ, công chức có tiêu chuẩn sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động, được phát hiện không sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động nhưng vẫn nhận tiền khoán sẽ bị thi hành kỷ luật theo quy định chung hiện hành của Nhà nước và của cơ quan.

**Điều 2:** Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quyết định này.

- Văn phòng Bộ chuyển các Hợp đồng sử dụng điện thoại về từng cá nhân gia đình sử dụng để thanh toán cước phí hàng tháng trực tiếp với Bưu Điện.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2002. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *ZH*

**K/T. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *Vanh*
- BT, các Thứ trưởng;
- Các đơn vị, tổ chức Bộ;
- Lưu TCCB, VT.



**Đặng Quốc Tiến**